

BẢN TIN HÀNG NGÀY

21 Tháng 01 2026



Vn-Index chỉ giảm nhẹ 8.3 điểm

- Vn-Index giảm khoảng 10 điểm trong hầu hết phiên sáng, sau đó hồi lên tham chiếu khi đóng cửa phiên sáng, rồi lại giảm mạnh hơn hơn 30 điểm giữa phiên chiều và lại hồi phục và đóng cửa chỉ còn giảm 8.3 điểm
- Tuy vậy, số lượng mã giảm gấp 2.5 lần số mã tăng, cho thấy thị trường điều chỉnh trên diện rộng
- Dầu khí là nhóm hồi phục mạnh mẽ nhất, trong đó BSR thậm chí còn tăng trần
- Đa phần các cổ phiếu sở hữu nhà nước chỉ giảm nhẹ trong ngày hôm nay (dù đã tăng rất mạnh trước đó) như VCB BID GVR VGI...; thậm chí 1 số mã còn tiếp tục tăng điểm như CTG BVH
- Chứng khoán là nhóm ngành giảm mạnh nhất, trong đó HCM giảm sàn do tự doanh đã bán toàn bộ các cổ phiếu tăng mạnh gần đây trong quý 4
- Nhiều nhóm ngành khác giảm điểm như bán lẻ, ngân hàng, thép, khu công nghiệp, bất động sản
- Giá trị giao dịch khớp lệnh trên sàn HOSE tăng 2.1% so với ngày trước đó

Đồ thị Vn-Index 3 tháng

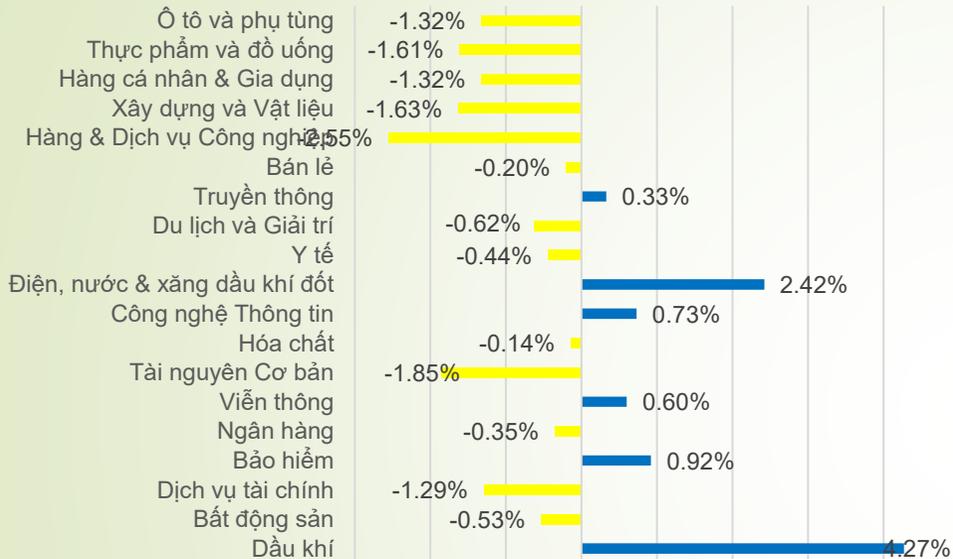


Tổng quan thị trường

	HOSE	HNX	UPCOM
Đóng cửa	1,885.4	252.7	125.9
(+/-)	-8.34	-0.45	-0.66
(%)	-0.44%	-0.18%	-0.52%
Khối lượng giao dịch (Triệu cp)	1,107	92	58
Giá trị giao dịch (Tỷ VND)	33,638	1,113	927
Giao dịch khối ngoại (Tỷ VND)	(306)	89	(27)
Số mã tăng	96	66	81
Số mã giảm	246	99	133
Số mã giá không đổi	36	50	84

Nhận định thị trường

Diễn biến nhóm ngành & Chỉ số định giá



STT	Nhóm ngành	PE	PB
1	Dầu khí	27.99	1.86
2	Nguyên vật liệu	17.12	1.73
3	Công nghiệp	13.33	2.16
4	Hàng Tiêu dùng	17.57	2.64
5	Dược phẩm và Y tế	18.33	1.74
6	Dịch vụ Tiêu dùng	25.54	4.26
7	Viễn thông	38.71	9.86
8	Tiện ích Cộng đồng	16.79	2.15
9	Tài chính	26.01	2.79
10	Ngân hàng	11.05	1.80
11	Công nghệ Thông tin	19.38	3.96

- Riêng phiên hôm nay, số lượng mã giảm gấp 2.5 lần số mã tăng; cho thấy rõ ràng hôm nay là phiên điều chỉnh trên diện rộng, đặc biệt với nhóm chứng khoán và khu công nghiệp
- Rất nhiều mã sở hữu nhà nước vẫn tiếp tục tăng rất mạnh trong thời gian qua mà gần như chưa có điều chỉnh đáng kể như GVR PLX GAS BID VGI BSR
- Vn-Index đang giằng co mạnh tại vùng kháng cự 1,900 điểm; áp lực bán là khá lớn tại đây
- Chúng tôi cho rằng, nhà đầu tư vẫn nên hạn chế mua đuổi tại vùng giá hiện tại.
- Nhà đầu tư canh mua khi thị trường điều chỉnh. Vùng mua vào ở khoảng 1,850 điểm
- Các nhóm ngành yêu thích hiện nay là: ngân hàng, chứng khoán, thép, và nhóm cổ phiếu nhà nước. Đỉnh sóng hiện tại được kỳ vọng ở vùng 2,000 điểm

Hiệu suất cổ phiếu theo ngành

Ngân hàng		Bất động sản		Chứng khoán		Thực phẩm		Xây dựng		Nguyên liệu cơ bản		Tiện ích		Hóa chất	
STB	6.88%	QCG	2.48%	BCG	0.00%	FMC	2.35%	HTI	0.36%	ACG	0.97%	GAS	5.26%	DGC	6.98%
LPB	1.42%	HDC	0.95%	VCI	-0.99%	DBC	1.44%	CTD	-1.46%	DHC	0.44%	TDM	2.70%	CSV	3.08%
CTG	1.39%	SJS	0.88%	ORS	-1.51%	VCF	1.00%	VCG	-1.50%	PTB	-0.59%	POW	2.45%	DPM	1.44%
HDB	0.35%	VRE	0.32%	TVS	-1.69%	KDC	0.40%	BMP	-1.84%	HPG	-1.65%	CHP	1.77%	DCM	0.85%
NAB	-0.34%	KOS	0.00%	DSE	-1.91%	MSN	-0.13%	HHV	-1.94%	NKG	-1.94%	NT2	0.77%	DPR	-0.61%
BID	-0.38%	VHM	-0.08%	EVF	-2.16%	BHN	-0.15%	CTR	-2.12%	HSG	-2.69%	TMP	0.00%	AAA	-0.62%
MSB	-0.40%	VIC	-0.31%	FTS	-2.71%	BAF	-0.39%	PC1	-2.31%			VSH	0.00%	VFG	-0.91%
OCB	-0.42%	VPI	-0.54%	SSI	-2.76%	HAG	-0.56%	VGC	-3.18%			PGD	0.00%	GVR	-1.28%
TCB	-0.42%	PDR	-0.57%	VDS	-2.87%	ASM	-0.62%	CII	-3.24%			HNA	0.00%	PHR	-5.15%
SHB	-0.60%	NVL	-1.18%	BSI	-3.00%	PAN	-1.03%					SHP	-0.29%		
ACB	-0.80%	DXG	-1.62%	VND	-3.06%	SBT	-1.44%					GEG	-0.33%		
VCB	-0.95%	KBC	-1.73%	CTS	-3.69%	VHC	-1.59%					PPC	-0.48%		
VIB	-1.39%	DXS	-1.90%	VIX	-4.70%	MCM	-1.61%					BWE	-1.06%		
TPB	-1.43%	SIP	-1.92%	AGR	-5.00%	ANV	-2.96%					REE	-1.11%		
MBB	-1.46%	KDH	-2.05%	HCM	-6.86%	SAB	-3.25%					PGV	-2.15%		
SSB	-1.69%	HDG	-2.08%			VNM	-4.22%								
VPB	-2.35%	CRE	-2.20%												
EIB	-3.06%	NLG	-2.61%												
		TCH	-2.89%												
		DIG	-3.12%												
		IJC	-3.17%												
		SZC	-4.15%												
		BCM	-4.63%												

Giao dịch khối ngoại

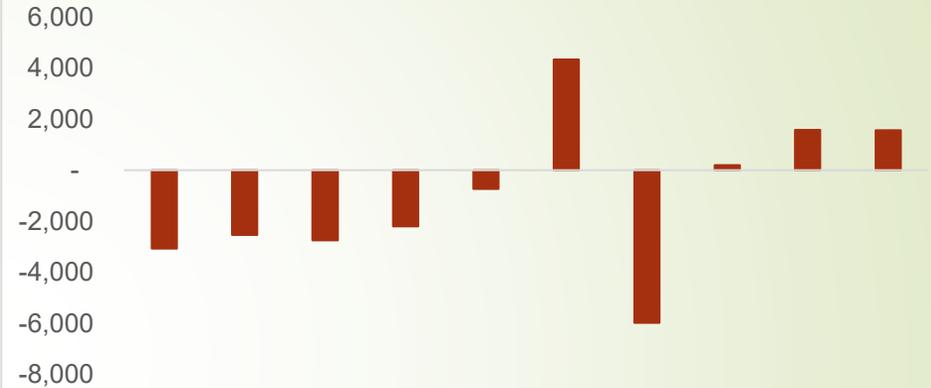
Giao dịch khối ngoại - 10 ngày



Top mua ròng

No	Code	Exchange	Buy value	Sell value	Net value
1	GMD	HOSE	159.05	29.08	129.98
2	KBC	HOSE	130.55	26.60	103.95
3	VHM	HOSE	253.64	157.70	95.94
4	DGC	HOSE	155.86	62.96	92.90
5	IDC	HNX	93.63	5.64	87.98
6	ACB	HOSE	122.27	36.92	85.35
7	PVS	HNX	109.49	26.73	82.77
8	VPB	HOSE	129.75	48.06	81.69
9	GAS	HOSE	123.60	46.61	76.99
10	STB	HOSE	223.34	168.25	55.09
11	MBB	HOSE	69.78	15.18	54.61
12	GVR	HOSE	57.66	18.97	38.68
13	BSR	HOSE	65.96	27.70	38.27
14	BID	HOSE	75.99	39.04	36.95
15	VHC	HOSE	39.37	3.92	35.45

Giao dịch khối ngoại - 10 tuần



Top bán ròng

No	Code	Exchange	Buy value	Sell value	Net value
1	VNM	HOSE	35.40	228.68	- 193.27
2	VCB	HOSE	38.47	190.28	- 151.81
3	VIC	HOSE	82.45	184.07	- 101.63
4	HCM	HOSE	36.86	121.73	- 84.87
5	GEX	HOSE	9.47	71.70	- 62.23
6	SSI	HOSE	24.00	82.98	- 58.98
7	DXG	HOSE	13.58	71.30	- 57.72
8	VIX	HOSE	48.65	104.79	- 56.14
9	PNJ	HOSE	23.79	78.39	- 54.61
10	VRE	HOSE	42.62	94.03	- 51.41
11	KDH	HOSE	20.06	69.22	- 49.16
12	PDR	HOSE	9.23	53.53	- 44.31
13	LPB	HOSE	11.37	53.15	- 41.78
14	SHB	HOSE	1.39	42.14	- 40.75
15	MBS	HNX	0.44	38.34	- 37.91

Cập nhật vĩ mô

	Hôm nay	1D	1W	YTD
Giá dầu Brent (USD/thùng)	64.00	0.09%	-2.25%	5.18%
Giá dầu WTI (USD/thùng)	59.51	0.20%	-2.68%	3.64%
Giá vàng thế giới (USD/ounce)	4,766.00	1.97%	3.85%	10.18%
Tỷ giá trung tâm (USD/VND)	25,124	-0.02%	-0.04%	0.01%
Tỷ giá bán Vietcombank (USD/VND)	26,380	-0.02%	-0.04%	0.01%
Tỷ giá bán TT tự do (USD/VND)	26,650	0.38%	0.00%	-0.63%
Lãi suất qua đêm – Liên ngân hàng	3.37%	-0.42%	-0.62%	1.60%
Lợi suất trái phiếu chính phủ 1 năm	3.22%	0.00%	0.05%	3.22%
Lợi suất trái phiếu chính phủ 3 năm	3.30%	0.00%	0.02%	3.30%

Dư nợ cho vay tại các công ty chứng khoán lần đầu vượt 400.000 tỷ đồng

Cuối quý 4/2025, dư nợ cho vay (bao gồm margin và ứng trước tiền bán) tại các công ty chứng khoán ước tính vào khoảng 406.000 tỷ đồng (~15,6 tỷ USD), tăng khoảng 23.000 tỷ so với cuối quý 3 trước đó và là mức cao kỷ lục từ trước đến nay.

Chính phủ ban hành Nghị quyết về giải pháp thực hiện mục tiêu tăng trưởng GDP 2026 trên 10%

Để thực hiện được mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2026, Chính phủ đưa ra 12 nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu.

Bộ Tài chính nhận hồ sơ lập sản tài sản mã hóa: 'Vé vào cửa' 10.000 tỷ, duy nhất một doanh nghiệp đủ điều kiện

Nhiều đơn vị như VIX, SSI, TCX, VPB, MBB... đều đã có bước chuẩn bị kỹ lưỡng, sẵn sàng bước vào cuộc đua trên thị trường tài sản mã hóa.

Bản tin doanh nghiệp



Hochiminh City Securities Corporation

Vint

HSC bán 'mất hàng' trước chân sóng, mảng tự doanh ghi nhận thua lỗ

Danh mục tự doanh của Chứng khoán HCM (HSC) thu hẹp đáng kể trong quý IV/2025, trong đó công ty bán ra loạt cổ phiếu như VNM, BID, VCB và GAS.



PNJ tính thưởng cổ phiếu để tăng vốn 50%

PNJ dự kiến phát hành gần 170,6 triệu cổ phiếu mới theo tỷ lệ 2:1 (cổ đông sở hữu 2 cổ phiếu được nhận 1 cổ phiếu mới). Qua đó tăng vốn điều lệ từ 3.413 tỷ lên 5.119 tỷ đồng sau phát hành.



Sacombank lập kỷ lục trước "giờ G" 4 thành viên HĐQT mới lộ diện

Cổ phiếu Sacombank tăng bốc đầu trong bối cảnh nhà đầu tư đang "nín thở" chờ đợi những biến động thương tầng. Theo kế hoạch, Sacombank sẽ gửi thông báo cho cổ đông về việc đề cử thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2022-2026 từ hôm nay (21/1/2026). Thời gian nhận hồ sơ đề cử gửi về văn phòng HĐQT Sacombank chậm nhất 17h ngày 6/2/2026.

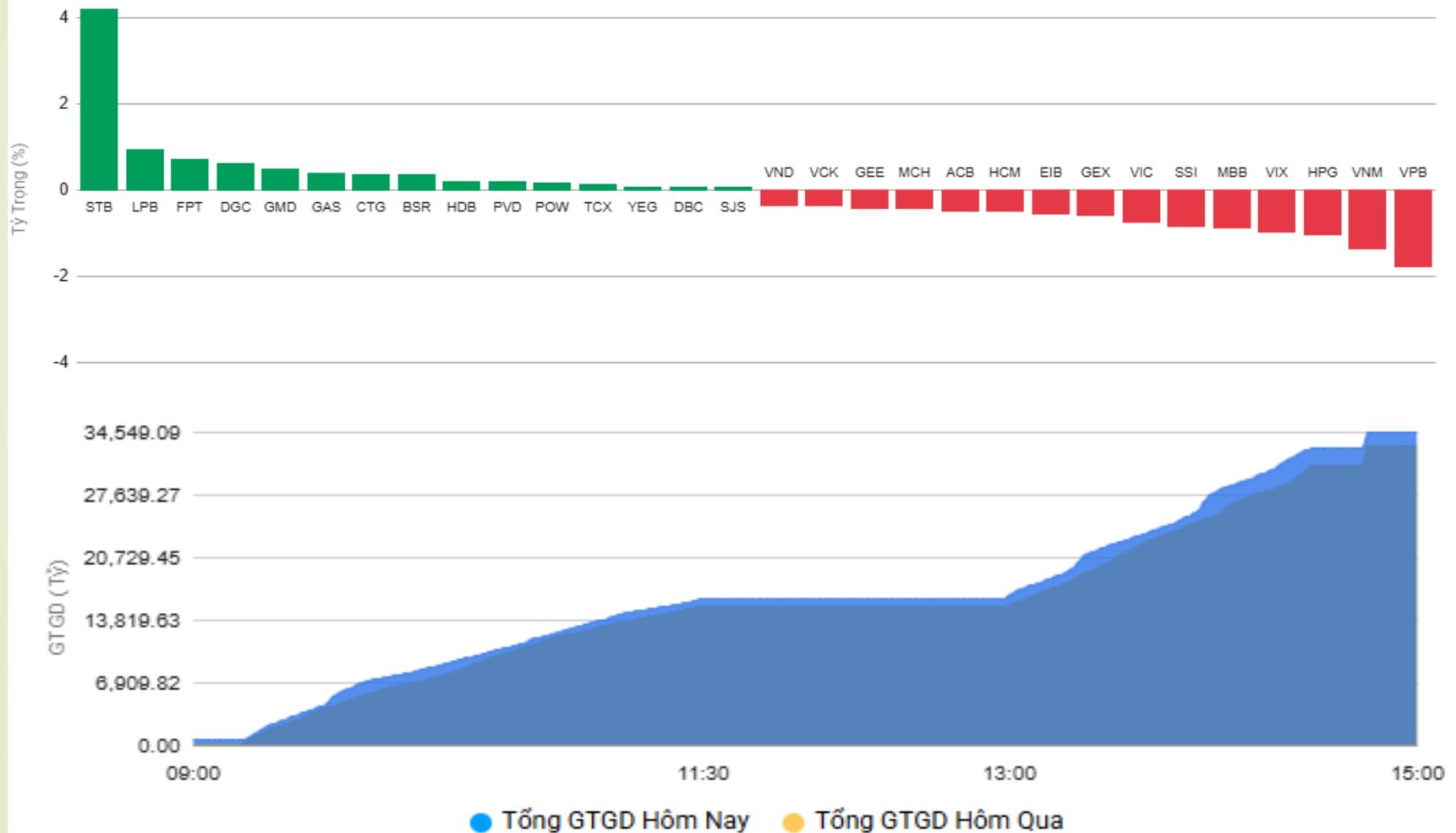
Lịch sự kiện

Mã	Ngày GDKHQ	Ngày thực hiện	Sự kiện	Tỷ lệ thực hiện	Giá trị
APF	22/01/2026	06/02/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	10.00%	1,000
HIO	22/01/2026	22/01/2026	Phát hành cổ phiếu	1:1	10,000
CTX	22/01/2026	22/01/2026	Phát hành cổ phiếu	27.2471%	
DAD	22/01/2026	05/02/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	15.00%	1,500
HMD	22/01/2026	12/02/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	5.00%	500
HU4	22/01/2026	30/01/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	5.00%	500
SBM	22/01/2026	06/02/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	10.00%	1,000
CDP	23/01/2026	25/02/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	4.00%	400
TTD	23/01/2026	03/02/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	10.00%	1,000
PHN	23/01/2026	06/02/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	20.00%	2,000
TNG	23/01/2026	10/02/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	5.00%	500
VC7	23/01/2026	06/03/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	5.00%	500
QTP	26/01/2026	12/02/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	10.00%	1,000
TMS	26/01/2026	26/01/2026	Phát hành cổ phiếu	2.00%	
BWE	03/02/2026	20/05/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	13.00%	1,300
VGT	03/02/2026	06/03/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	3.00%	300
GVT	04/02/2026	05/03/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	30.00%	3,000
CLC	05/02/2026	06/03/2025	Trả cổ tức bằng tiền mặt	15.00%	1,500
PAI	05/02/2026	06/03/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	8.00%	800

Số liệu thị trường

NHÓM ẢNH HƯỞNG MẠNH TỚI CHỈ SỐ

BIỂU ĐỒ PHÂN TÁN



Khuyến nghị của NHSV Research

CPPVT	Ngày đánh giá lần đầu	Ngày định giá lại gần nhất	Giá CP tại thời điểm báo cáo	Giá mục tiêu (sau điều chỉnh)	Giá hiện tại (21/01/2026)	%	Báo cáo lần đầu	Báo cáo cập nhật gần nhất
VPB	20/05/2024	20/08/2025	19,800	27,300	29,050	-6.0%	Link	Link
TPB	01/07/2024	24/12/2025	17,350	19,405	17,200	12.8%	Link	Link
TCB	12/08/2024	07/01/2026	21,250	40,300	35,800	12.6%	Link	Link
MBB	29/08/2024	26/12/2025	24,850	26,907	27,000	-0.3%	Link	Link
ACB	23/09/2024	23/12/2025	25,650	30,650	24,850	23.3%	Link	Link
HDB	15/10/2024	09/01/2026	27,150	32,191	29,050	10.8%	Link	Link
CTG	28/11/2024	24/09/2025	35,150	35,020	40,200	-12.9%	Link	Link
VCB	24/02/2025	31/12/2025	93,100	64,040	72,800	-12.0%	Link	Link
BID	20/03/2025	05/01/2026	39,800	43,088	53,000	-18.7%	Link	Link
HPG	13/01/2025	08/08/2025	25,900	30,710	26,800	14.6%	Link	Link
HSG	14/02/2025	07/08/2025	16,650	17,700	16,300	8.6%	Link	Link
NKG	07/03/2025	17/11/2025	16,100	17,580	15,200	15.7%	Link	Link
NLG	30/09/2024	13/11/2025	41,550	45,000	29,800	51.0%	Link	Link
KDH	23/10/2024	20/11/2025	33,300	42,000	28,700	46.3%	Link	Link
DXG	15/11/2024	15/08/2025	16,150	20,800	15,200	36.8%	Link	Link
DXS	15/01/2025	15/08/2025	6,500	12,000	7,740	55.0%	Link	Link
KBC	22/01/2025	27/11/2025	28,950	40,500	37,000	9.5%	Link	Link
VRE	21/03/2025	28/08/2025	18,450	30,000	31,250	-4.0%	Link	Link
HAH	31/03/2025	10/12/2025	52,800	69,420	59,800	16.1%	Link	Link
VHM	29/04/2025	10/09/2025	58,400	87,200	122,900	-29.0%	Link	Link
STB	14/05/2025	18/09/2025	40,000	50,500	62,100	-18.7%	Link	Link
GMD	27/05/2025	24/11/2025	59,500	73,340	70,500	4.0%	Link	Link
HDC	05/06/2025		26,000	26,964	21,350	26.3%	Link	Link
VSC	18/06/2025	20/08/2025	16,550	25,140	22,500	11.7%	Link	Link
PDR	30/06/2025		18,050	18,704	17,400	7.5%	Link	Link
PVT	17/07/2025	02/12/2025	18,100	21,870	20,500	6.7%	Link	Link
BCM	04/08/2025		71,000	83,000	76,300	8.8%	Link	Link
VCG	29/08/2025	16/12/2025	25,550	26,800	22,950	16.8%	Link	Link
CTD	24/09/2025	29/12/2025	81,900	89,000	74,100	20.1%	Link	Link



Trụ sở chính

Tầng 9, tòa tháp Đông, Lotte Center Hà Nội, số 54 Liễu Giai, phường Cống Vị, quận Ba Đình, Hà Nội

Hotline: 1900.1055

Fax: 0243.941.0248

Chi nhánh Hà Nội

Tầng trệt tòa Somerset Grand Hanoi & Phòng 505, tầng 5 Tòa Tháp Hà Nội, số 49 Hai Bà Trưng, phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, HN

Hotline: 1900.1055

Fax: 0243.941.0248

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 3, tòa nhà President Place, Số 93 Nguyễn Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, HCM

Hotline: 0283.838.5917

Fax: 0283.620.0887

TUYÊN BỐ MIỄN TRÁCH

Báo cáo này thuộc sở hữu của NHSV. Mọi hành vi sao chép, in ấn khi không có sự cho phép của NHSV đều bị nghiêm cấm. Báo cáo này không nên được coi là một lời đề nghị giao dịch mua bán bất kỳ cổ phiếu nào. Mặc dù những thông tin, dự báo và nhận định trong báo cáo này được dựa trên các nguồn thông tin đáng tin cậy, NHSV không thể khẳng định sự chính xác và hoàn thiện của các nguồn thông tin này. NHSV sẽ không chịu trách nhiệm trước bất kỳ thiệt hại, mất mát nào đến từ việc sử dụng bất kỳ thông tin, nhận định nào đến từ báo cáo này.